

DANH SÁCH SINH VIÊN NỘP BÀI

Ngày thi: 03/04/2022

Mã lớp học phần: 010100165704

Từ tiết: 1

Mã bộ đề thi: 010100002797

Nhóm: 1

Tên lớp học phần: Giáo dục quốc phòng - an ninh 1

Đến tiết: 2

Số câu: 40

Phòng: A.1.03 - 140 Lê Trọng Tấn

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm	Số câu đúng
1	2039212925	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	29/07/2003	4.75	19
2	2037215228	Phan Kim	Phụng	Nữ	23/02/2003	7.5	30
3	2005210091	Đinh Thị Kim	Huệ	Nữ	4-2-2003	4.5	18
4	2005217855	Trần Hoàng	An	Nam	20/04/2003	6	24
5	2032211152	Phạm Minh	Dũng	Nam	4-2-2003	6	24
6	2037215255	Nguyễn Trần Trọng	Tân	Nam	7-10-2003	4.5	18
7	2005210959	Nguyễn Thị Mỹ	Diễm	Nữ	13/02/2003	4.25	17
8	2005217875	Lê Thị Vĩnh	Bình	Nữ	7-12-2003	6.5	26
9	2008210278	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	5-12-2003	5.5	22
10	2004217631	Huỳnh Phúc Như	Anh	Nữ	18/07/2003	3.5	14
11	2008210049	Tạ Nguyễn Minh	Hằng	Nữ	27/11/2003	4.75	19
12	2039213049	Nguyễn Thị Kim	Thoa	Nữ	28/02/2003	6	24
13	2004210250	Phạm Thị	Trang	Nữ	22/10/2003	5.25	21
14	2036213661	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	Nữ	28/05/2003	5.5	22
15	2005210420	Nguyễn Trúc	Quỳnh	Nữ	13/12/2003	8.25	33
16	2013213143	Võ Thị Kim	Chi	Nữ	11-9-2003	7	28

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2022

NGƯỜI LẬP

Đặng Phúc Yên Hạnh

DANH SÁCH SINH VIÊN NỘP BÀI

Ngày thi: 27/03/2022

Mã lớp học phần: 010100165704

Từ tiết: 11

Mã bộ đề thi: 010100002796

Nhóm: 1

Tên lớp học phần: Giáo dục quốc phòng - an ninh 1

Đến tiết: 12

Số câu: 40

Phòng: A.2.05 - 140 Lê Trọng Tấn

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm	Số câu đúng
1	2013211212	Dương Ngọc	Anh	Nữ	16/05/2003	7	28
2	2029210090	Nguyễn Khắc Minh	Nhân	Nam	24/05/2000	5.5	22
3	2004217634	Nguyễn Vũ Yến	Anh	Nữ	16/08/2003	4.25	17
4	2004217709	Đặng Thị Thảo	Ngọc	Nữ	2-7-2003	5.5	22
5	2013210123	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	Nữ	7-7-2003	6.5	26
6	2036210549	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	Nữ	9-3-2003	5.25	21
7	2001212245	Dương Bá	Duy	Nam	30/11/2003	5.25	21
8	2033210435	Lê Đăng	Khoa	Nam	1-10-2003	8	32
9	2036210454	Tiền Ngọc	Trân	Nữ	25/07/2002	6.75	27
10	2036213684	Ngô Thị Tố	Duyên	Nữ	24/02/2003	7.5	30
11	2001215671	Nguyễn Đình	Duy	Nam	25/06/2003	6.75	27
12	2013210345	Phạm Huyền	Trang	Nữ	2-1-2003	5.5	22
13	2040211745	Võ Tâm	Đan	Nữ	1-1-2003	7.25	29
14	2001210802	Trần Anh	Huy	Nam	13/02/2003	5.25	21
15	2003216692	Phan Bách	Kiên	Nam	27/09/2003	5.5	22
16	2030219579	Vũ Thanh	Vy	Nữ	27/08/2003	6.75	27
17	2037215101	Lê Thị Thu	Hương	Nữ	19/09/2003	4.5	18
18	2013212225	Võ Duy	Nguyện	Nam	19/03/2003	6.25	25
19	2013213363	Nguyễn Thị Phương	Quyên	Nữ	4-12-2003	7	28
20	2036210108	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	22/09/2003	5.5	22
21	2039212916	Nguyễn Thị Thu	Giang	Nữ	9-9-2003	6.25	25
22	2001215750	Lê Tấn Anh	Hào	Nam	17/07/2003	5.75	23
23	2004210087	Nguyễn Hoàng	Tuấn	Nam	11-6-2003	3.25	13
24	2004210305	Lê Anh	Thư	Nữ	6-2-2003	5	20
25	2013211093	Nguyễn Thị Hoa	Quỳnh	Nữ	10-11-2003	6.5	26
26	2029210401	Lê Thanh	Giàu	Nam	8-10-2003	6.5	26
27	2005218100	Nguyễn Ngọc Xuân	Trang	Nữ	17/12/2003	6	24
28	2013213279	Tạ Nhật	Minh	Nam	12-11-2003	6	24

29	2033210440	Trần Minh	Nhật	Nam	8-6-2003	6	24
30	2001215927	Bùi Xuân	Lộc	Nam	25/01/2003	6.25	25
31	2030219403	Trần Thị Huỳnh	Kiều	Nữ	30/08/2003	7	28
32	2001210865	Huỳnh Lê Thúy	Uyên	Nữ	6-11-2003	5.25	21
33	2001215697	Huỳnh Tấn	Đạt	Nam	5-4-2003	6	24
34	2029212666	Võ Thị Thủy	Ngân	Nữ	13/09/2003	6.5	26
35	2034210067	Hồ Thị Yến	Lan	Nữ	16/09/2003	5	20
36	2001210551	Lê Phan Phương	Nghi	Nữ	22/08/2003	6.25	25
37	2005210574	Ngô Hồng	Phối	Nữ	29/12/2003	4.5	18
38	2013213377	Lê Văn	Tài	Nam	17/11/2003	6.5	26
39	2022210070	Huỳnh Phùng Thanh	Vũ	Nam	28/06/2000	4.25	17
40	2033210182	Nguyễn Hồng Quốc	Việt	Nam	27/06/2003	4.75	19

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2022

NGƯỜI LẬP

Đặng Phúc Yến Hạnh

DANH SÁCH SINH VIÊN NỘP BÀI

Ngày thi: 26/03/2022

Mã lớp học phần: 010100066912

Từ tiết: 1

Mã bộ đề thi: 010100002788

Nhóm: 1

Tên lớp học phần: Cơ sở văn hóa Việt Nam

Đến tiết: 2

Số câu: 40

Phòng: A.1.02 - 140 Lê Trọng Tấn

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm	Số câu đúng
1	2029205099	NGUYỄN THỊ NGỌC	CẨM	Nữ	7/12/2002	6,5	26
2	2024200033	VÕ ĐÌNH	ANH	Nam	2/11/2002	5	20
3	2039200006	VÕ THỊ TRÚC	PHƯƠNG	Nữ	20/11/2002	6,5	26
4	2039200008	TRẦN THỊ DIỄM	HÂN	Nữ	22/05/2002	5,5	22

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2022

NGƯỜI LẬP

Trần Thị Nường

DANH SÁCH SINH VIÊN NỘP BÀI

Ngày thi: 27/03/2022

Mã lớp học phần: 010100240010

Từ tiết: 7

Mã bộ đề thi: 010100002793

Nhóm: 1

Tên lớp học phần: Kỹ năng giao tiếp

Đến tiết: 8

Số câu: 50

Phòng: A.1.02 - 140 Lê Trọng Tấn

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm	Số câu đúng
1	2036205845	TRẦN HOÀNG	PHI	Nam	7/12/2001	6,8	34
2	2013202219	ĐINH KHÁNH	LINH	Nữ	9/3/2002	7,2	36
3	2001207348	NGUYỄN PHI XUÂN	HÙNG	Nam	1/1/2002	4,8	24
4	2013202333	LÊ NGỌC CẨM	NHUNG	Nữ	29/06/2002	5,4	27
5	2001200354	LƯƠNG TUYẾT	MI	Nữ	7/7/2002	6	30

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2022

NGƯỜI LẬP

Trần Thị Nương

DANH SÁCH SINH VIÊN NỘP BÀI

Ngày thi: 26/03/2022

Mã lớp học phần: 010100697804

Từ tiết: 1

Mã bộ đề thi: 010100002790

Nhóm: 1

Tên lớp học phần: Tổng quan du lịch

Đến tiết: 2

Số câu: 50

Phòng: A.1.03 - 140 Lê Trọng Tấn

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm	Số câu đúng
1	2030210321	Trần Thị Tuyết	Thu	Nữ	11/10/2003	5,6	28
2	2030219443	Phạm Vũ Minh	Ngân	Nữ	15/10/2003	5	25

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2022

NGƯỜI LẬP

Trần Thị Nường

DANH SÁCH SINH VIÊN NỘP BÀI

Ngày thi: 26/03/2022

Mã lớp học phần: 010110023104

Từ tiết: 5

Mã bộ đề thi: 010100002794

Nhóm: 1

Tên lớp học phần: Nghiệp vụ lễ tân

Đến tiết: 6

Số câu: 40

Phòng: A.1.02 - 140 Lê Trọng Tấn

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm	Số câu đúng
1	2030191306	Phạm Thị Hoài	Phương	Nữ	20/10/2001	7,75	31
2	2030191305	Lê Minh	Đăng	Nam	14/05/2001	4,25	17
3	2030190433	Nguyễn	Hào	Nam	1/9/2001	6,25	25
4	2030190703	Đặng Nguyễn Yến	Nhi	Nữ	9/8/2001	4,25	17

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2022

NGƯỜI LẬP

Trần Thị Nường

DANH SÁCH SINH VIÊN NỘP BÀI

Ngày thi: 26/03/2022

Mã lớp học phần: 010110023202

Từ tiết: 1

Mã bộ đề thi: 010100002792

Nhóm: 1

Tên lớp học phần: Nghiệp vụ Bar

Đến tiết: 2

Số câu: 50

Phòng: A.1.03 - 140 Lê Trọng Tấn

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm	Số câu đúng
1	2030190375	Huỳnh Ngọc Như	Ý	Nữ	20/11/2001	5,6	28

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2022

NGƯỜI LẬP

Trần Thị Nường

DANH SÁCH SINH VIÊN NỘP BÀI

Ngày thi: 25/04/2022

Mã lớp học phần: 010110026902

Từ tiết: 1

Mã bộ đề thi: 010100002821

Nhóm: 1

Tên lớp học phần: Quản trị xuất nhập cảnh

Đến tiết: 2

Số câu: 50

Phòng: A.1.02 - 140 Lê Trọng Tấn

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm	Số câu đúng
1	2024190728	Phạm Thúy	Ngân	Nữ	19/05/2001	4,2	21

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2022

NGƯỜI LẬP

Trần Thị Nường

DANH SÁCH SINH VIÊN NỘP BÀI

Ngày thi: 30/03/2022

Mã lớp học phần: 010110082203

Từ tiết: 13

Mã bộ đề thi: 010100002787

Nhóm: 1

Tên lớp học phần: Anh văn 1

Đến tiết: 14

Số câu: 50

Phòng: A.1.05 - 140 Lê Trọng Tấn

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm	Số câu đúng
1	2030202102	NGUYỄN HẢI	SƠN	Nam	19/03/2002	7.6	38
2	2024200033	VÕ ĐÌNH	ANH	Nam	2-11-2002	2.8	14
3	2038202188	NGÔ THỊ BÍCH	TRÂM	Nữ	7-9-2002	5.2	26
4	2007200260	NGUYỄN THỊ HOÀNG	OANH	Nữ	19/07/2002	6	30
5	2033200301	NGUYỄN MINH	CHIẾN	Nam	2-10-2001	8	40
6	2007206285	ĐỒNG THỊ THANH	THOA	Nữ	25/10/2002	5.6	28
7	2013202187	ĐOÀN DUY	KHANH	Nam	15/02/2002	3	15

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2022

NGƯỜI LẬP

Đặng Phúc Yến Hạnh

DANH SÁCH SINH VIÊN NỘP BÀI

Ngày thi: 27/03/2022

Mã lớp học phần: 010110082336

Từ tiết: 11

Mã bộ đề thi: 010100002791

Nhóm: 1

Tên lớp học phần: Anh văn 2

Đến tiết: 12

Số câu: 50

Phòng: A.1.05 - 140 Lê Trọng Tấn

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm	Số câu đúng
1	2007206390	NGUYỄN CHÂU	PHƯƠNG	Nữ	16/04/2002	7.2	36
2	2038200124	TRẦN HUỖNH LAN	ANH	Nữ	19/07/2002	4.2	21
3	2038200060	KHUU THỊ THANH	HẰNG	Nữ	15/10/2001	5.6	28
4	2005200831	NGUYỄN TRANG	THUỖ	Nữ	18/02/2002	3.2	16
5	2013202219	ĐINH KHÁNH	LINH	Nữ	9-3-2002	5.2	26
6	2038209423	TRẦN THỊ	QUỖY	Nữ	30/12/2002	7.4	37
7	2039202130	LÊ THUY	TRANG	Nữ	7-12-2002	3.8	19
8	2039205186	NGUYỄN HUỖNH THU	HUYỀN	Nữ	26/12/2002	8.4	42
9	2007200447	PHÙNG THỊ KHÁNH	LINH	Nữ	7-9-2001	7.8	39
10	2022200308	VỖ THỊ QUỖNH	NHUU	Nữ	27/01/2002	2.8	14
11	2023206173	LƯƠNG THỊ THANH	HUYỀN	Nữ	31/03/2002	3.2	16
12	2023205889	TẠ NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	Nam	6-6-2002	4.2	21

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2022

NGƯỜI LẬP

Đặng Phúc Yến Hạnh

DANH SÁCH SINH VIÊN NỘP BÀI

Ngày thi: 03/04/2022

Mã lớp học phần: 010110082406

Từ tiết: 1

Mã bộ đề thi: 010100002785

Nhóm: 1

Tên lớp học phần: Anh văn 3

Đến tiết: 2

Số câu: 50

Phòng: A.1.05 - 140 Lê Trọng Tấn

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm	Số câu đúng
1	2013204721	VÕ THỊ THU	DUYÊN	Nữ	24/03/2002	2.2	11
2	2024209367	NGUYỄN QUẢNG HOÀNG	MỸ	Nữ	5-3-2002	2.8	14
3	2013202333	LÊ NGỌC CẨM	NHUNG	Nữ	29/06/2002	3.2	16
4	2037206752	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG	VY	Nữ	5-4-2002	4.8	24
5	2036200151	NGUYỄN QUỐC	HƯNG	Nam	1-2-2002	3	15
6	2007200165	TRẦN THỊ TRÀ	MY	Nữ	1-8-2001	3.2	16
7	2037206712	PHẠM THỊ CẨM	TUYẾN	Nữ	27/12/2002	4.8	24
8	2013201632	LÊ MINH	HUY	Nam	1-4-1999	6.8	34
9	2024200216	VÕ THỊ MINH	TÂM	Nữ	3-1-2002	5.6	28
10	2001207426	LÝ PHƯỚC	HẢI	Nam	12-8-2002	6.4	32
11	2013202003	TRƯƠNG NGUYỄN THÚY	AN	Nữ	28/07/2001	4.2	21
12	2013200244	NGUYỄN HOÀI THANH	TUYẾT	Nữ	30/06/2002	1.4	7
13	2037202065	NGUYỄN THỊ DIỄM	QUỲNH	Nữ	12-8-2000	5.8	29
14	2013201092	LÊ THỊ HƯNG	THỊNH	Nữ	20/03/2002	6	30
15	2013202045	NGUYỄN THANH	CƯỜNG	Nam	6-1-2002	2.8	14
16	2028200036	TRẦN LỮ CÁT	PHƯƠNG	Nữ	7-4-2000	8.2	41

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2022

NGƯỜI LẬP

Đặng Phúc Yến Hạnh

DANH SÁCH SINH VIÊN NỘP BÀI

Ngày thi: 03/04/2022

Mã lớp học phần: 010100756607

Từ tiết: 7

Mã bộ đề thi: 010100002786

Nhóm: 1

Tên lớp học phần: Anh văn B1

Đến tiết: 8

Số câu: 50

Phòng: A.1.02 - 140 Lê Trọng Tấn

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm	Số câu đúng
1	2013191086	Võ Thị	Hậu	Nữ	5-12-2001	6.4	32
2	2023190461	Phạm Huyền	Trang	Nữ	1-2-2001	5.8	29
3	2023190307	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	2-2-2001	6.6	33
4	2001190181	Ngô Thụy Hồng	Ngọc	Nữ	1-1-2001	2.4	12
5	2036190036	Lê Hồng	Hoa	Nữ	15/08/2001	4.8	24

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2022

NGƯỜI LẬP

Đặng Phúc Yên Hạnh

DANH SÁCH SINH VIÊN NỘP BÀI

Ngày thi: 30/03/2022

Mã lớp học phần: 010100756737

Từ tiết: 13

Mã bộ đề thi: 010100002789

Nhóm: 1

Tên lớp học phần: Anh văn B2

Đến tiết: 14

Số câu: 50

Phòng: A.1.05 - 140 Lê Trọng Tấn

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm	Số câu đúng
1	2013191855	Trần Thị Bảo	Ngân	Nữ	18/11/2001	3.2	16
2	2028190646	Vương Uyển	Nghi	Nữ	18/12/2001	7.8	39
3	2032190252	Hồng Kim	Nhật	Nam	14/08/2001	6.6	33
4	2030190224	Trần Thị Minh	Phượng	Nữ	13/03/2001	4	20
5	2005190473	Nguyễn Thị Ngọc	Như	Nữ	4-10-2001	3	15
6	2023190103	Đình Công	Minh	Nam	27/12/2000	6.8	34
7	2007190274	Võ Lê Quỳnh	Như	Nữ	9-2-2001	4.6	23
8	2032190179	Nguyễn Duy	Quang	Nam	12-7-2001	4.8	24
9	2003190111	Chưóng Siu	Dậu	Nam	3-2-2001	3	15
10	2005190182	Trần Diễm	Hằng	Nữ	18/03/2001	5.4	27
11	2005192034	Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	12-9-2001	5.8	29
12	2007190835	Phạm Minh	Quang	Nam	29/09/2000	4.2	21
13	2013191175	Lê Thị Phương	Ly	Nữ	12-12-2001	5.4	27
14	2030190206	Lê Huỳnh	Như	Nữ	10-4-2001	4	20
15	2001181014	Bùi Phương	Anh	Nam	1-1-2000	4.6	23
16	2008190361	Trương Ngọc Thiên	Kim	Nữ	2-2-2001	6.4	32
17	2009190091	Nguyễn Thị	Lưu	Nữ	10-12-2001	6.4	32
18	2002180132	Bùi Hồng	Phương	Nam	1-1-2000	4	20
19	2005190627	Trương Thị Anh	Thư	Nữ	19/07/2001	3.2	16
20	2013191689	Đặng Hoàng Hồng	Trâm	Nữ	28/02/2001	4.2	21
21	2005190269	Nguyễn Kim	Lên	Nữ	14/11/2001	5.4	27
22	2005190443	Hồ Thị Phương	Nhi	Nữ	23/10/2001	4.2	21
23	2002190036	Doãn Vũ	Hoàng	Nam	26/08/2001	3.6	18
24	2008190604	Nguyễn Hoàng Lan	Anh	Nữ	28/12/2001	4	20
25	2013191360	Võ Văn	Thiện	Nam	20/05/2001	4.4	22
26	2005190811	Huỳnh Ngọc Thúy	Vi	Nữ	9-2-2001	5	25
27	2013190651	Đình Bảo	Toàn	Nam	5-7-2000	5.2	26

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2022

NGƯỜI LẬP

Đặng Phúc Yên Hạnh

DANH SÁCH SINH VIÊN NỘP BÀI

Ngày thi: 26/03/2022

Mã lớp học phần: 010111202101

Từ tiết: 1

Mã bộ đề thi: 010100002814

Nhóm: 1

Tên lớp học phần: Anh văn sơ cấp

Đến tiết: 2

Số câu: 50

Phòng: A.1.02 - 140 Lê Trọng Tấn

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm	Số câu đúng
1	2030202102	NGUYỄN HẢI	SƠN	Nam	19/03/2002	7.2	36
2	2038202188	NGÔ THỊ BÍCH	TRÂM	Nữ	7-9-2002	6.2	31

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2022

NGƯỜI LẬP

Đặng Phúc Yên Hạnh



BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP.HCM

DANH SÁCH ĐIỂM THI

Kiểm Tra Cuối Học Kỳ
Học kỳ 1 năm học 2021 - 2022

Môn học: Công nghệ các chất hoạt động bề mặt (010110013103) - Số tín chỉ: 2

Nhóm thi: 1

Ngày thi: 26/03/2022

Tiết BD: 10

Phòng thi: B205



STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Số tờ	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2004190315	Lê Nguyễn Thanh Thúy	03/01/1999	10DHHH3	02	1	Thúy	6.0	Sau không	

Số SV trong DS: SV
Số SV có mặt: SV
Số SV vắng mặt: SV

In ngày 23/03/2022
Số bài thi: bài
Số tờ giấy thi: tờ

Giám thị 1
(Ký ghi rõ họ tên)

Trương Khoa/Bộ môn
(Ký ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(Ký ghi rõ họ tên)

G/V chấm thi 1
(Ký ghi rõ họ tên)

Giám thị 3
(Ký ghi rõ họ tên)

Giám thị 4
(Ký ghi rõ họ tên)

G/V chấm thi 2
(Ký ghi rõ họ tên)



BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP.HCM

DANH SÁCH ĐIỂM THI

Kiểm Tra Cuối Học Kỳ
Học kỳ 1 năm học 2021 - 2022

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Môn học: Hóa học xanh (010100187901) - Số tín chỉ: 2

Nhóm thi: 1

Ngày thi: 26/03/2022

Tiết BD: 7

Phòng thi: B203

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Số tờ	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2004190315	Lê Nguyễn Thanh Thúy	03/01/1999	10DHHH3	02	1	Thúy	2,5	Hai năm	

Số SV trong DS: SV
Số SV có mặt: SV
Số SV vắng mặt: SV

In ngày 23/03/2022
Số bài thi: bài
Số tờ giấy thi: tờ

Giám thị 1
(Ký ghi rõ họ tên)

Mal
Đo Thu Nga

Trưởng Khoa/Bộ môn
(Ký ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(Ký ghi rõ họ tên)

Văng GT 2

G/V chấm thi 1
(Ký ghi rõ họ tên)

Giám thị 3
(Ký ghi rõ họ tên)

Giám thị 4
(Ký ghi rõ họ tên)

G/V chấm thi 2
(Ký ghi rõ họ tên)



BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP.HCM

DANH SÁCH ĐIỂM THI

Kiểm Tra Cuối Học Kỳ
Học kỳ 1 năm học 2021 - 2022



Môn học: Viết 1 (010110082103) - Số tín chỉ: 2

Nhóm thi: 1

Ngày thi: 28/03/2022

Tiết BD: 4

Phòng thi: B201

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Số tờ	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2029212564	Nguyễn Thảo Hà	12/12/2003	12DHAV06	280	1		5,0	Năm không	
2	2029210090	Nguyễn Khắc Minh Nhân	24/05/2000	12DHAV02	2803	1		7,5	Bảy năm	

Số SV trong DS:

2

SV

Số SV có mặt:

2

SV

Số SV vắng mặt:

0

SV

In ngày 23/03/2022

Số bài thi:

2

bài

Số tờ giấy thi:

2

tờ

Giám thị 1

(Ký ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Bích Hậu

Trưởng Khoa/Bộ môn

(Ký ghi rõ họ tên)

Giám thị 2

(Ký ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Bích Hậu

G/V chấm thi 1

(Ký ghi rõ họ tên)

Giám thị 3

(Ký ghi rõ họ tên)

Giám thị 4

(Ký ghi rõ họ tên)

G/V chấm thi 2

(Ký ghi rõ họ tên)





BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP.HCM

DANH SÁCH ĐIỂM THI

Kiểm Tra Cuối Học Kỳ
Học kỳ 1 năm học 2021 - 2022

Môn học: Tiếng Trung tổng hợp 1 (010110080503) - Số tín chỉ: 3

Nhóm thi: 1

Ngày thi: 30/03/2022

Tiết BD: 7

Phòng thi: B309

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Số tờ	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2039212889	Nguyễn Thị Ngọc Bích	21/12/2003	12DHTQ6	04	07	Bích	6,2	Sau hai	
2	2039212942	Lê Thị Huyền	11/07/2003	12DHTQ5	04	07	Huyen	8,1	Tam một	
3	2039222100	LƯU THỊ THIÊM	28/01/2002	11DHTQ4	04	07	thue	5,2	Năm hai	

Số SV trong DS: SV
Số SV có mặt: SV
Số SV vắng mặt: SV

In ngày 23/03/2022
Số bài thi: bài
Số tờ giấy thi: tờ

Giám thị 1
(Ký ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Lộc

Trưởng Khoa/Bộ môn
(Ký ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(Ký ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Minh Phương

G/V chấm thi 1
(Ký ghi rõ họ tên)

Giám thị 3
(Ký ghi rõ họ tên)

Giám thị 4
(Ký ghi rõ họ tên)

G/V chấm thi 2
(Ký ghi rõ họ tên)





BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP.HCM

DANH SÁCH ĐIỂM THI

Kiểm Tra Cuối Học Kỳ
Học kỳ 1 năm học 2021 - 2022

Môn học: Nghe hiểu tiếng Trung 1 (010110080803) - Số tín chỉ: 3

Nhóm thi: 1

Ngày thi: 28/03/2022

Tiết BD: 1

Phòng thi: B208

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Số tờ	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2039212889	Nguyễn Thị Ngọc Bích	21/12/2003	12DHTQ6			Bích	7,2	Bảy hai	
2	2039212942	Lê Thị Huyền	11/07/2003	12DHTQ5			Huyền	8,2	Tám hai	

Số SV trong DS:

2

SV

Số SV có mặt:

2

SV

Số SV vắng mặt:

0

SV

In ngày 23/03/2022

Số bài thi:

2

bài

Số tờ giấy thi:

tờ

Giám thị 1

(Ký ghi rõ họ tên)


Lê Thị Quỳnh Trang

Trưởng Khoa/Bộ môn

(Ký ghi rõ họ tên)

Giám thị 2

(Ký ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Lệ

G/V chấm thi 1

(Ký ghi rõ họ tên)

Giám thị 3

(Ký ghi rõ họ tên)

Giám thị 4

(Ký ghi rõ họ tên)

G/V chấm thi 2

(Ký ghi rõ họ tên)





BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP.HCM

DANH SÁCH ĐIỂM THI

Kiểm Tra Cuối Học Kỳ
Học kỳ 1 năm học 2021 - 2022

Môn học: Đọc hiểu tiếng Trung 1 (010110080703) - Số tín chỉ: 3

Nhóm thi: 1

Ngày thi: 27/03/2022

Tiết BD: 7

Phòng thi: B202

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Số tờ	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2039212889	Nguyễn Thị Ngọc Bích	21/12/2003	12DHTQ6			Bích	6,0	Sáu không	
2	2039212942	Lê Thị Huyền	11/07/2003	12DHTQ5			Huyền	7,4	Bảy bốn	
3	2039213073	Lê Ngọc Bảo Trâm	25/06/2003	12DHTQ6			Trâm	7,0	Bảy không	

Số SV trong DS: SV
Số SV có mặt: SV
Số SV vắng mặt: SV

In ngày 23/03/2022
Số bài thi: bài

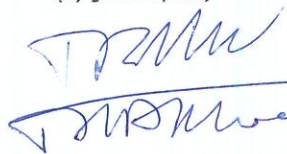
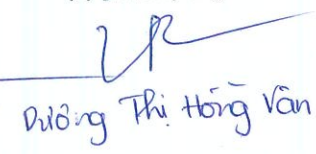
Số tờ giấy thi: tờ

Giám thị 1
(Ký ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(Ký ghi rõ họ tên)

Giám thị 3
(Ký ghi rõ họ tên)

Giám thị 4
(Ký ghi rõ họ tên)

Trưởng Khoa/Bộ môn
(Ký ghi rõ họ tên)

G/V chấm thi 1
(Ký ghi rõ họ tên)

G/V chấm thi 2
(Ký ghi rõ họ tên)





BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP.HCM

DANH SÁCH ĐIỂM THI

Kiểm Tra Cuối Học Kỳ
Học kỳ 1 năm học 2021 - 2022

Môn học: Nghe 1 (010110081804) - Số tín chỉ: 2

Nhóm thi: 1

Ngày thi: 27/03/2022

Tiết BD: 7

Phòng thi: B203

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Số tờ	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2029210401	Lê Thanh Giàu	08/10/2003	12DHAV02	05	1	Giàu	5,8	Năm tám	
2	2029212666	Võ Thị Thủy Ngân	13/09/2003	12DHAV06	05	1	Ngân	4,8	Bốn tám	
3	2029210090	Nguyễn Khắc Minh Nhân	24/05/2000	12DHAV02	05	1		9,0	Chín không	

Số SV trong DS: SV
Số SV có mặt: SV
Số SV vắng mặt: SV

In ngày 23/03/2022

Số bài thi: bài

Số tờ giấy thi: tờ

Giám thị 1
(Ký ghi rõ họ tên)

Nguyễn Phi Huyền

Trưởng Khoa/Bộ môn
(Ký ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(Ký ghi rõ họ tên)

Cao T. Hào Hùng

G/V chấm thi 1
(Ký ghi rõ họ tên)

Giám thị 3
(Ký ghi rõ họ tên)

Giám thị 4
(Ký ghi rõ họ tên)

G/V chấm thi 2
(Ký ghi rõ họ tên)





BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP.HCM

DANH SÁCH ĐIỂM THI

Kiểm Tra Cuối Học Kỳ
Học kỳ 1 năm học 2021 - 2022

Môn học: Nói tiếng Trung 1 (010110080601) - Số tín chỉ: 3

Nhóm thi: 1

Ngày thi: 26/03/2022

Tiết BD: 1

Phòng thi: B202

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Số tờ	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2039212925	Nguyễn Thị Thúy Hằng	29/07/2003	12DHTQ5	002			5.0	năm không	
2	2039213049	Nguyễn Thị Kim Thoa	28/02/2003	12DHTQ5	001		Thoa	8.3	tám ba	

Số SV trong DS: SV
Số SV có mặt: SV
Số SV vắng mặt: SV

In ngày 23/03/2022

Số bài thi: bài

Số tờ giấy thi: tờ

Giám thị 1

(Ký ghi rõ họ tên)

Nguyễn Hồng Hạnh

Trưởng Khoa/Bộ môn
(Ký ghi rõ họ tên)

Giám thị 2

(Ký ghi rõ họ tên)

Gặp Tú Anh

Giám thị 3

(Ký ghi rõ họ tên)

Giám thị 4

(Ký ghi rõ họ tên)

G/V chấm thi 1

(Ký ghi rõ họ tên)

Nguyễn Hồng Hạnh

G/V chấm thi 2

(Ký ghi rõ họ tên)

Gặp Tú Anh





BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP.HCM

DANH SÁCH ĐIỂM THI

Kiểm Tra Cuối Học Kỳ
Học kỳ 1 năm học 2021 - 2022

Môn học: Nói 1 (010110081903) - Số tín chỉ: 2

Nhóm thi: 1

Ngày thi: 26/03/2022

Tiết BD: 4

Phòng thi: B203

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Số tờ	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2029212564	Nguyễn Thảo Hà	12/12/2003	12DHAV06	05			7.0	Bảy không	

In ngày 23/03/2022

Số SV trong DS: SV
Số SV có mặt: SV
Số SV vắng mặt: SV

Số bài thi: bài

Số tờ giấy thi: tờ

Giám thị 1
(Ký ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hải Hằng

Giám thị 2
(Ký ghi rõ họ tên)

Lý Công Khanh

Giám thị 3
(Ký ghi rõ họ tên)

Giám thị 4
(Ký ghi rõ họ tên)

Trưởng Khoa/Bộ môn
(Ký ghi rõ họ tên)

G/V chấm thi 1
(Ký ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hải Hằng

G/V chấm thi 2
(Ký ghi rõ họ tên)

Lý Công Khanh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG



BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP.HCM

1P

DANH SÁCH ĐIỂM THI

Kiểm Tra Cuối Học Kỳ
Học kỳ 1 năm học 2021 - 2022
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
Phòng thi: D301

Môn học: Viết 1 (010110082104) - Số tín chỉ: 2

Nhóm thi: 1

Ngày thi: 26/04/2022

Tiết BD: 1

Phòng thi: D301

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Số tờ	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2029212737	Trương Thị Tố Quyên	23/03/2003	12DHAV09		1	Quyên	4,8	Bốn tám	

Số SV trong DS:

1 SV

Số SV có mặt:

1 SV

Số SV vắng mặt:

0 SV

In ngày 19/04/2022

Số bài thi:

1 bài

Số tờ giấy thi:

tờ

Giám thị 1

(Ký ghi rõ họ tên)

Giám thị 2

(Ký ghi rõ họ tên)

Giám thị 3

(Ký ghi rõ họ tên)

Giám thị 4

(Ký ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Hùng

Trưởng Khoa/Bộ môn
(Ký ghi rõ họ tên)

Nguyễn Trí Thụy

G/V chấm thi 1
(Ký ghi rõ họ tên)

G/V chấm thi 2
(Ký ghi rõ họ tên)



BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP.HCM

1P

DANH SÁCH ĐIỂM THI

Kiểm Tra Cuối Học Kỳ
Học kỳ 1 năm học 2021 - 2022

Môn học: Nổi 1 (010110081903) - Số tín chỉ: 2

Nhóm thi: 1

Ngày thi: 27/04/2022

Tiết BD: 1

Phòng thi: D301

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Số tờ	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2029212737	Trương Thị Tố Quyên	23/03/2003	12DHAV09	06	01	Quyên	7.5	Bảy-Năm	

Số SV trong DS:

1 SV

Số SV có mặt:

01 SV

Số SV vắng mặt:

X SV

In ngày 19/04/2022

Số bài thi: 01 bài

Số tờ giấy thi: 01 tờ

Giám thị 1

(Ký ghi rõ họ tên)

Nghe
Lê Thị Ngọc Thiên

Giám thị 2

(Ký ghi rõ họ tên)

Phan T. Thanh Hương
Phan T. Thanh Hương

Giám thị 3

(Ký ghi rõ họ tên)

Giám thị 4

(Ký ghi rõ họ tên)

Trưởng Khoa/Bộ môn

(Ký ghi rõ họ tên)

G/V chấm thi 1

(Ký ghi rõ họ tên)

Nghe
Lê Thị Ngọc Thiên

G/V chấm thi 2

(Ký ghi rõ họ tên)

Phan T. Thanh Hương
Phan T. Thanh Hương



BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP.HCM

AP

DANH SÁCH ĐIỂM THI

Kiểm Tra Cuối Học Kỳ
Học kỳ 1 năm học 2021 - 2022

Môn học: Nghe 1 (010110081803) - Số tín chỉ: 2

Nhóm thi: 1

Ngày thi: 26/04/2022

Tiết BD: 8

Phòng thi: D301

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Số tờ	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2029212737	Trương Thị Tố Quyên	23/03/2003	12DHAV09		1	Quyên	1/4	100%	

Số SV trong DS: SV
Số SV có mặt: SV
Số SV vắng mặt: SV

In ngày 19/04/2022

Số bài thi: bài

Số tờ giấy thi: tờ

Giám thị 1
(Ký ghi rõ họ tên)

Ngô Đức Huy

Ngô Đức Huy

Trưởng Khoa/Bộ môn
(Ký ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(Ký ghi rõ họ tên)

Nguyễn Minh Phương

Nguyễn Minh Phương

G/V chấm thi 1
(Ký ghi rõ họ tên)

Giám thị 3
(Ký ghi rõ họ tên)

Giám thị 4
(Ký ghi rõ họ tên)

G/V chấm thi 2
(Ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN NỘP BÀI

Ngày thi: 26/03/2022

Mã lớp học phần: 010110093305

Từ tiết: 5

Mã bộ đề thi: 010100002801

Nhóm: 1

Tên lớp học phần: Giải tích

Đến tiết: 6

Số câu: 25

Phòng: A.1.02 - 140 Lê Trọng Tấn

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm	Số câu đúng
1	2001215859	Nguyễn Hồng	Khanh	Nam	1/4/2002	4	10
2	2001210802	Trần Anh	Huy	Nam	13/02/2003	2	5
3	2001215942	Phạm Minh	Luân	Nam	13/07/2003	1.6	4
4	2001210551	Lê Phan Phương	Nghi	Nữ	22/08/2003	3.6	9
5	2033210182	Nguyễn Hồng Quốc	Việt	Nam	27/06/2003	2.8	7
6	2001215927	Bùi Xuân	Lộc	Nam	25/01/2003	4	10
7	2001215980	Hồ Văn	Nghĩa	Nam	23/09/2003	4	10

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2022

NGƯỜI LẬP

Vũ Thị Dìn

DANH SÁCH SINH VIÊN NỘP BÀI

Ngày thi: 26/03/2022

Mã lớp học phần: 010100342831

Từ tiết: 11

Mã bộ đề thi: 010100002806

Nhóm: 1

Tên lớp học phần: Nguyên lý kế toán

Đến tiết: 12

Số câu: 40

Phòng: A.1.03 - 140 Lê Trọng Tấn

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm	Số câu đúng
1	2023214279	Nguyễn Thị Ánh	Linh	Nữ	3/11/2003	6.5	26
2	2023210354	Phạm Nhật	Duy	Nam	16/08/2003	6	24

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2022

NGƯỜI LẬP

Vũ Thị Din

DANH SÁCH SINH VIÊN NỘP BÀI

Ngày thi: 26/03/2022

Mã lớp học phần: 010100764114

Từ tiết: 1

Mã bộ đề thi: 010100002805

Nhóm: 1

Tên lớp học phần: Xác suất thống kê trong sản xuất, công

Đến tiết: 2

Số câu: 25

Phòng: A.1.03 - 140 Lê Trọng Tấn

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm	Số câu đúng
1	2005210091	Đinh Thị Kim	Huệ	Nữ	4/2/2003	4	10
2	2005211192	Ngô Việt	Hưng	Nam	11/4/2002	4.8	12

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2022

NGƯỜI LẬP

Vũ Thị Din

DANH SÁCH SINH VIÊN NỘP BÀI

Ngày thi: 27/03/2022

Mã lớp học phần: 010100614404

Từ tiết: 11

Mã bộ đề thi: 010100002803

Nhóm: 1

Tên lớp học phần: Toán cao cấp A1

Đến tiết: 12

Số câu: 25

Phòng: A.1.05 - 140 Lê Trọng Tấn

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm	Số câu đúng
1	2005210091	Đinh Thị Kim	Huệ	Nữ	4/2/2003	2.4	6
2	2005217855	Trần Hoàng	An	Nam	20/04/2003	2.4	6
3	2032211152	Phạm Minh	Dũng	Nam	4/2/2003	3.2	8
4	2041210109	Nguyễn Kiều	Diễm	Nữ	29/09/2003	4.8	12
5	2032217378	Hà Nguyễn Quyết Thành	Đạt	Nam	20/09/2003	3.2	8
6	2004210408	Phan Thành	An	Nam	25/01/2003	3.6	9
7	2004211208	Châu Minh	Thanh	Nữ	6/12/2003	4.4	11
8	2005210420	Nguyễn Trúc	Quỳnh	Nữ	13/12/2003	4.8	12
9	2004217631	Huỳnh Phúc Như	Anh	Nữ	18/07/2003	4.8	12
10	2008210049	Tạ Nguyễn Minh	Hằng	Nữ	27/11/2003	6	15
11	2004210014	Nguyễn Lê Duy	Khanh	Nam	24/10/2003	4.8	12
12	2005210959	Nguyễn Thị Mỹ	Diễm	Nữ	13/02/2003	4.8	12
13	2005217875	Lê Thị Vĩnh	Bình	Nữ	7/12/2003	7.2	18
14	2008210278	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	5/12/2003	3.6	9
15	2004210250	Phạm Thị	Trang	Nữ	22/10/2003	3.2	8
16	2032210425	Võ Tá	Hiếu	Nam	22/10/2002	3.2	8
17	2004211215	Lê Tuấn	Dỹ	Nam	28/12/2003	4.4	11
18	2032211149	Lê Huy	Hoàng	Nam	28/07/2003	3.2	8

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2022

NGƯỜI LẬP

Vũ Thị Din

DANH SÁCH SINH VIÊN NỘP BÀI

Ngày thi: 26/03/2022

Mã lớp học phần: 010100616205

Từ tiết: 5

Mã bộ đề thi: 010100002804

Nhóm: 1

Tên lớp học phần: Toán cao cấp C1

Đến tiết: 6

Số câu: 25

Phòng: A.1.02 - 140 Lê Trọng Tấn

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm	Số câu đúng
1	2040211745	Võ Tâm	Đan	Nữ	1/1/2003	7.2	18
2	2013210123	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	Nữ	7/7/2003	6	15

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2022

NGƯỜI LẬP

Vũ Thị Din

DANH SÁCH SINH VIÊN NỘP BÀI

Ngày thi: 25/04/2022

Mã lớp học phần: 010110082002

Từ tiết: 1

Mã bộ đề thi: 010100002825

Nhóm: 1

Tên lớp học phần: Đọc 1

Đến tiết: 2

Số câu: 50

Phòng: A.1.02 - 140 Lê Trọng Tấn

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm	Số câu đúng
1	2029212737	Trương Thị Tố	Quyên	Nữ	23/03/2003	4,8	24

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2022

NGƯỜI LẬP

Đặng Phúc Yên Hạnh

DANH SÁCH SINH VIÊN NỘP BÀI

Ngày thi: 26/03/2022

Mã lớp học phần: 010110082004

Từ tiết: 1

Mã bộ đề thi: 010100002795

Nhóm: 1

Tên lớp học phần: Đọc 1

Đến tiết: 2

Số câu: 50

Phòng: A.1.02 - 140 Lê Trọng Tấn

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm	Số câu đúng
1	2029190504	Nguyễn Phạm Hà	Anh	Nữ	9-1-2001	6.4	32

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2022

NGƯỜI LẬP

Đặng Phúc Yên Hạnh

DANH SÁCH SINH VIÊN NỘP BÀI

Ngày thi: 03/04/2022

Mã lớp học phần: 010100234107

Từ tiết: 5

Mã bộ đề thi: 010100002798

Nhóm: 1

Tên lớp học phần: Kinh tế vi mô

Đến tiết: 6

Số câu: 50

Phòng: A.1.03 - 140 Lê Trọng Tấn

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm	Số câu đúng
1	2013210123	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	Nữ	7/7/2003	5	25
2	2013211212	Dương Ngọc	Anh	Nữ	16/05/2003	5,8	29
3	2013210085	Phan Xuân	Truyền	Nam	9/3/2003	7,2	36
4	2023210772	Đặng Nguyễn Thị Huyền	Trân	Nữ	21/06/2003	3,4	17
5	2013210345	Phạm Huyền	Trang	Nữ	2/1/2003	4	20
6	2040211745	Võ Tâm	Đan	Nữ	1/1/2003	4,8	24
7	2023190307	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	2/2/2001	3,4	17
8	2007214980	Cao Vi Như	Ý	Nữ	18/05/2003	5,2	26
9	2013210233	Bùi Thị Ngọc	Hân	Nữ	4/7/2003	3,6	18

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2022

NGƯỜI LẬP

Lê Quang Tuấn Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN NỘP BÀI

Ngày thi: 03/04/2022

Mã lớp học phần: 010110065106

Từ tiết: 1

Mã bộ đề thi: 010100002815

Nhóm: 1

Tên lớp học phần: Triết học Mác - Lênin

Đến tiết: 2

Số câu: 40

Phòng: A.1.02 - 140 Lê Trọng Tấn

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm	Số câu đúng
1	2030210321	Trần Thị Tuyết	Thu	Nữ	11-10-2003	5.75	23
2	2013210085	Phan Xuân	Truyền	Nam	9-3-2003	6.75	27
3	2002217107	Trần Phan Minh	Hiệp	Nam	20/04/2003	5	20
4	2037215198	Hoàng Thị	Nhung	Nữ	24/12/2003	6.25	25
5	2007214610	Trần Thị	Diệu	Nữ	30/07/2002	8.75	35
6	2025216966	Nguyễn Mạnh	Quỳnh	Nam	19/06/2003	5	20
7	2007190022	Lê Thị Lan	Anh	Nữ	15/07/2001	5.5	22
8	2007210797	Lê Phạm Thị Tuyết	Ngân	Nữ	19/01/2003	5.25	21
9	2032217378	Hà Nguyễn Quyết Thành	Đạt	Nam	20/09/2003	5.75	23
10	2034210067	Hồ Thị Yến	Lan	Nữ	16/09/2003	3.75	15
11	2002217043	Mã Thiên	Ân	Nam	2-10-2003	4.25	17
12	2013211212	Dương Ngọc	Anh	Nữ	16/05/2003	6	24
13	2023214279	Nguyễn Thị Ánh	Linh	Nữ	3-11-2003	5.75	23
14	2031212260	Huỳnh Bình	An	Nam	14/12/2001	5.5	22
15	2007214754	Nguyễn Thị Ni	Na	Nữ	20/03/2003	6.25	25
16	2013210123	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	Nữ	7-7-2003	6	24
17	2023210099	Nguyễn Văn	Âu	Nam	25/07/2003	6	24
18	2036210549	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	Nữ	9-3-2003	4.75	19
19	2037210507	Phan Hoàng Đoan	Trang	Nữ	29/03/2003	5.25	21
20	2036210108	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	22/09/2003	4.25	17
21	2039200066	NGUYỄN THỊ NA	MY	Nữ	20/10/2002	4.5	18
22	2040213614	Trần Minh	Thư	Nữ	24/01/2003	6.75	27
23	2023214321	Ngô Phạm Thúy	Nga	Nữ	26/11/2003	3.25	13
24	2037210310	Trần Nhật	Bun	Nam	21/02/2003	5.5	22
25	2037215101	Lê Thị Thu	Hương	Nữ	19/09/2003	5	20
26	2041210109	Nguyễn Kiều	Diễm	Nữ	29/09/2003	6.25	25
27	2030219403	Trần Thị Huỳnh	Kiều	Nữ	30/08/2003	7.75	31
28	2037215141	Hồ Kha	My	Nữ	8-1-2003	7.25	29

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2022

NGƯỜI LẬP

Đặng Phúc Yên Hạnh

DANH SÁCH SINH VIÊN NỘP BÀI

Ngày thi: 03/04/2022

Mã lớp học phần: 010110065106

Từ tiết: 7

Mã bộ đề thi: 010100002816

Nhóm: 2

Tên lớp học phần: Triết học Mác - Lênin

Đến tiết: 8

Số câu: 40

Phòng: A.1.02 - 140 Lê Trọng Tấn

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm	Số câu đúng
1	2004210250	Phạm Thị	Trang	Nữ	22/10/2003	5	20
2	2005217855	Trần Hoàng	An	Nam	20/04/2003	4	16
3	2013213279	Tạ Nhật	Minh	Nam	12-11-2003	5.25	21
4	2003216692	Phan Bách	Kiên	Nam	27/09/2003	4.5	18
5	2005210091	Đinh Thị Kim	Huệ	Nữ	4-2-2003	4.25	17
6	2013210345	Phạm Huyền	Trang	Nữ	2-1-2003	4.5	18
7	2040211745	Võ Tâm	Đan	Nữ	1-1-2003	4.75	19
8	2005210574	Ngô Hồng	Phối	Nữ	29/12/2003	4.5	18
9	2022210070	Huỳnh Phùng Thanh	Vũ	Nam	28/06/2000	4.5	18
10	2041214016	Đinh Thị Thu	Hiền	Nữ	10-4-2003	3.25	13
11	2004211215	Lê Tuấn	Dỹ	Nam	28/12/2003	3.75	15
12	2023210354	Phạm Nhật	Duy	Nam	16/08/2003	5.25	21
13	2004217631	Huỳnh Phúc Như	Anh	Nữ	18/07/2003	7.5	30
14	2013212225	Võ Duy	Nguyễn	Nam	19/03/2003	5.75	23
15	2004210014	Nguyễn Lê Duy	Khanh	Nam	24/10/2003	5	20
16	2005210959	Nguyễn Thị Mỹ	Diễm	Nữ	13/02/2003	3.5	14
17	2005217875	Lê Thị Vĩnh	Bình	Nữ	7-12-2003	5.5	22
18	2004210408	Phan Thành	An	Nam	25/01/2003	4.75	19
19	2004211208	Châu Minh	Thanh	Nữ	6-12-2003	5.25	21
20	2005210420	Nguyễn Trúc	Quỳnh	Nữ	13/12/2003	6.75	27
21	2036213684	Ngô Thị Tố	Duyên	Nữ	24/02/2003	6.5	26

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2022

NGƯỜI LẬP

Đặng Phúc Yến Hạnh